TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **60**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24/5/2024
v/v: ''Tranh chấp về Ly hôn''

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Phương Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Thúy

Ông Phạm Văn Huấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khánh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham dự phiên tòa: Bà Lê Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 27/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2024 về " Tranh chấp về Ly hôn"; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2024/QĐXX-ST ngày 23 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2024/QĐ-ST ngày 08 tháng 5năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị T- sinh năm 1997, có đơn xin xét xử vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền(nhận các văn bản tố tụng) của chị T: Luật sư Lê Đình C- Đoàn Luật sư thành phố H.

Địa chỉ(nhận văn bản tố tụng): số 14, ngõ A, đường P, thị trấn B, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Theo văn bản ủy quyền ngày 23 tháng 12 năm 2023.

- Bị đơn: Anh Lê Văn Đ- sinh năm 1998, vắng mặt

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn H, xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 22/12/2023 và quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn Đ đều có bố mẹ quê tại xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa sau lên huyện N sinh sống nên hai bên ghán ghép con cái cho nhau, sau một thời gian tìm hiểu thấy hợp nên chị và anh Đ tự nguyện đi đến hôn nhân, được bốp mẹ hai bên tổ chức cưới và được UBND xã H cấp giấy chứng nhận ĐKKH ngày 25/12/2020.

Sau khi kết hôn về chung sống với nhau mới thấy hai bên chưa tìm hiểu kỹ về nhau mà cưới xin do gán ghép là nhiều, nên bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, yêu đương không sâu sắc. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh chỉ sau 3 tháng kết hôn. Tháng 4 năm 2021 anh Đ đi Đài Loan làm ăn thì vợ chồng càng thêm phai nhạt tình cảm, mâu thuẫn về cách sống, về chi tiêu tài chính trong gia đình càng căng thẳng hơn. Thêm nữa giữa hai bên không có con chung nên không có gì ràng buộc.

Đến nay vợ chồng xa nhau thời gian đã dài, cả hai không cho nhau cơ hội hàn gắn cũng không có ý định hàn gắn nên chị xét thấy không còn hy vọng gì ở cuộc hôn nhân này, nên làm đơn xin ly hôn với anh Đ để mỗi người tìm cho nhau một cuộc sống khác.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung; Hiện tại chị không có thai nghén gì;

Về tài sản chung, riêng và công nợ: Vợ chồng không có gì chung, chị không yêu cầu giải quyết.

Sau khi kết hôn chị và chồng sống cùng mẹ chồng là Trương Thị O- sinh năm 1977 ở thôn H, xã H, huyện N. Khi anh Đ đi nước ngoài chị không còn ở cùng với gia đình chồng nữa mà từ khi anh Đ đi thì chỉ liên lạc cho bố mẹ, không liên lạc với chị cũng không cho chị biết địa chỉ cụ thể để cung cấp cho Tòa án, chỉ biết anh Đ đi Đài Loan.

Tại văn bản số: 2347/QLXNC -P3 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 29/01/2024 của Cục Q nhấp cảnh- Bộ C1 có nội dung: Anh Lê Văn Đ, sinh ngày 09/01/1998, đã xuất cảnh 16 lần, xuất cảnh lần gần đây nhất là 07/3/2021, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước.

Tại Biên bản làm việc ngày 12 tháng 4 năm 2024, bà Trương Thị O là mẹ đẻ của anh Lê Văn Đ đã trình bày: Anh Lê Văn Đ, sinh ngày 09/01/1998 là con trai của bà kết hôn với chị Lê Thị T- sinh năm 1997 vào năm 2020 là do hai bên tự nguyện và được hai gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương, được UBND xã cấp ĐKKH. Trước khi cưới chị T ở xã H huyện N còn sau khi cưới thì về sống cùng gia đình chồng tại thôn H, xã H huyện N. Đến năm 2021

thì cháu Đ sang Đài Loan làm ăn sinh sống, sau đó thì T bỏ đi làm ăn không ở chung với gia đình chồng nữa. Mâu thuẫn vợ chồng để mọi người được biết bắt đầu từ thời điểm này nhưng bà và gia đình không biết nguyên nhân từ đâu. Từ thời điểm đó thì hai bên căng thẳng, mỗi lần mâu thuẫn con trai đều gọi cho tôi biết. Gia đình rất thương con dâu và con trai, hết lòng vun vén cha các cháu nhưng rất khó.

Khoảng tháng 2 năm nay cháu T có về xin các giấy tờ để nộp cho Tòa án giải quyết việc ly hôn nên thông qua zalo thì chúng tôi cũng thông tin cho cháu Đ biết và cháu cũng hoàn toàn đồng ý ly hôn với T. Còn quan điểm của gia đình tôi là mặc dù hết lòng vun vén nhưng chuyện hôn nhân là của các con, chúng tôi hoàn toàn tôn trọng và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con: Vợ chồng chưa có con chung, theo tôi được biết hiện nay chị T cũng không có thai nghén gì với anh Đ.

Về tài sản chung, riêng và công nợ: Bà được biết vợ chồng không có gì chung.

Bà đồng ý nhận Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác mà Tòa án giao để thông tin lại cho anh Đ được biết.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đương sự thực hiện đầy đủ quyền lợi ích hợp pháp.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 477,478 Bột luật tố tunghj dân sự; Công văn số 253/TANDTC-PC của Tòa án nhân dân tối cao, xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị T được ly hôn anh Lê Văn Đ;

Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

[1] Về tố tụng:

Trong vụ án này chị Lê Thị T có đơn ly hôn với anh Lê Văn Đ hiện đang sinh sống làm việc tại Đài Loan, vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa thụ lý là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt và anh Đ vắng mặt lần thứ hai nên HĐXX tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự .

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Lê Văn Đoàn kết h trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện N, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 25 tháng 12 năm 2020 như vậy đây là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian rất ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên không được tìm hiểu kỹ càng, đến với nhau do gán ghép của hai bên gia đình có cũng hoàn cảnh sống khi chuyển từ quê lên N lập nghiệp. Nên sau khi bất đồng quan điểm sống thì anh Đ bỏ sang nước ngoài làm ăn, vợ chồng lại càng cách xa nhau hơn. Từ năm 2021 đến nay hai vợ chồng không có ý định hàn gắn hôn nhân, đến nay chị T xét thấy quan hệ vợ chồng đã phai nhạt nên làm đơn ly hôn, anh Đ cũng đồng ý với quan điểm của chị T thông qua gia đình của mình trong khi anh đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan.

Do đó cớ cơ sở để HĐXX nhận định, quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị T đã không còn hy vọng gì, hôn nhân chỉ tồn tại trên giấy tờ, nên xét xử để chị T ly hôn anh Đ là phù hợp với tình trạng hôn nhân của anh chị .

Về con chung: Vợ chồng không có con chung và hiện nay chị T không có thai nghén gì nên miễn xét;

Về tài sản và công nợ chung, riêng: Không yêu cầu giải quyết;

Về án phí: Chị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ: Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

* Xử:

- Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Lê Văn Đ;

- Về con chung: Không có con chung;

- Về tài sản, công nợ: Không xem xét;

- Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ Chị đã nộp theo biên lai thu số 0000164 ngày 26/2/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- *TAND Cấp cao tại HN;*
- *VKSND tỉnh Thanh Hóa;*
- *Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;*
- *Các đương sự;Người đại diện theo ủy quyền .*
- *Tổ HC-TP;*
- *Lưu HSVA.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Phương Thanh